TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 04 tháng 01 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Ông Nguyễn An Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bẩy

Ông Bùi Ngọc Sơn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà vũ Thị Sâm – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số123/2017/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 12 năm 2017. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990.Tên gọi khác: Không. Sinh, trú quán: thôn NN, xã HG, Huyện LNg, tỉnh BG. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Văn hoá: 6/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Nguyễn Duy M, sinh năm 1962. Mẹ đẻ: La Thị L, sinh năm 1964. Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1991 đều trú tại thôn Ng, xã HG, Huyện LNg. Con: có 01 con, sinh năm 2012. Anh chị em ruột: Có 02 anh em (bị cáo là thứ hai). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Tỉnh BG. Bị cáo mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Lường Văn T, sinh năm 1993 (có mặt)

Trú quán: thôn BH, xã TS, Huyện LNg, tỉnh BG.

- Anh Luân Văn Ng, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú quán: thôn TV2, xã TH, Lục Ng, tỉnh Tỉnh BG.

- Anh Mã Văn L, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú quán: thôn HL, xã GS, Huyện LNg, Tỉnh BG.

- Anh Lương Văn V, sinh năm 1998 (có mặt)

Trú quán: thôn AT, xã KL, Huyện LNg, Tỉnh BG.

- Anh Vi Văn D, sinh năm 1975(có mặt)

Trú quán: thôn L, xã BS, Huyện LNg, tỉnh BG.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Duy D, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú quán: thôn HS, xã BS, Huyện LNg, tỉnh BG.

- Anh Khúc Xuân D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú quán: thôn K2a, xã HG, Huyện LNg, tỉnh BG.

- Anh Đặng Công K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú quán: khu LC, thị trấn C, Huyện LNg, Tỉnh BG.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú quán: thôn T3, xã QS, Huyện LNg, tỉnh BG.

- Chị La Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Trú quán: thôn NgNg, xã HG, Lục Ng, tỉnh Tỉnh BG.

- Anh Lê Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú quán: Đ9, thôn ĐK, xã ĐTh, ĐS, TH.

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú quán: thôn NL, xã GS, Huyện LNg, tỉnh BG.

- Cháu Vi Lương B, sinh năm 2007 (có mặt)

Trú quán: thôn L, xã BS, Huyện LNg, tỉnh BG.

(Cháu B do anh Vi Văn D, là bố đẻ đại diện theo pháp luật)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2017 đến ngày 19/7/2017 bị cáo Nguyễn Văn H, sinh năm 1990. Trú quán: Thôn NgNg, xã HG, Huyện LNg đã thực hiện 05 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Lục Ngạn rồi mang cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể như sau.

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 19/4/2017, Nguyễn Văn H cùng anh Khúc Xuân D, đi xe mô tô của anh D từ nhà anh D đến nhà anh Lường Văn T, ở thôn BH, xã TS, Huyện LNg chơi. Khi đến nhà anh Th lúc này khoảng 10 giờ 30 phút anh Th đã mời H và D ở lại ăn cơm trưa cùng gia đình. Trong lúc ăn cơm anh Th có nói đến cHuyện bố Th đang bị ốm muốn làm chứng minh thư nhân dân để làm thẻ bảo hiểm y tế. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản (xe mô tô của Th) nên H giả vờ hỏi D "có làm được không" D bảo "có". Đến khoảng 13 giờ bà Chu Thị Th mẹ của anh Th bảo Th đi cùng H và D xuống nhà H để xin cành vải về trồng, đồng thời nhờ D làm hộ chứng minh thư nhân dân cho bố Th luôn. Sau đó H và D đi ra khu vực ngã ba xã TS uống nước đợi anh Th. Còn anh Th đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, mầu sơn

Đỏ - Đen biển số 98E1-168.15 của gia đình đi ra đến Phòng khám đa khoa TS để gặp H và D nhưng không thấy. Anh Th gọi điện thoại cho H hỏi đang ở đâu, H bảo là đang ở ngã 3, xã TS. Anh Th quay lại ngã 3, xã TS gặp H, D đang ngồi uống nước ở đó, anh Th vào uống nước cùng. Khi ngồi uống nước do có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Th nên H nói xe mô tô của D hết xăng và hỏi mượn xe mô tô của anh Th để D cùng H đẩy xe của D đi đổ xăng xe. Anh Th không cho H mượn mà điều khiển xe mô tô của mình đi mua xăng về cho D đổ vào xe. Do không mượn được xe của anh Th nên H rủ D và anh Th đi ăn cơm để tìm cách mượn xe của anh Th đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Sau đó H, D và anh Th đến quán ăn của gia đình ông Khúc Trần L ở Phố Ch, xã TS ăn cơm, uống rượu, trong khi ngồi uống rượu D hỏi anh Th cho mượn xe để đi đón bạn đến uống rượu cùng. Anh Th nói để Th đi đón cho thì H bảo anh Th biết ai mà đón, để D đi, H bảo anh Th đưa xe cho D đi đón, nghe H nói vậy anh Th đồng ý và đưa chìa khóa xe của mình cho D. Mượn được xe mô tô của anh Th, D điều khiển xe mô tô đến nhà chị Nguyễn Thị H sinh năm 1986 ở Phố Ch, xã TS chơi, ngồi chơi cùng chị Hòa một lúc thì D đi về, khi về đến cổng Phòng khám đa khoa khu vực TS thì gặp H đi xe mô tô của D đến, H bảo D đi theo H, sau đó H và D đi xuống cửa hàng mua bán xe máy của anh Nguyễn Duy D sinh năm 1979, trú quán thôn HS, xã BS, Lục Ng, H đã cầm cố chiếc xe mô tô của anh Th cho anh D với giá 3.000.000 đồng anh D là người viết giấy mua, bán xe máy, bị cáo H. Sau đó bị cáo H và anh D đi về nhà anh D. Số tiền trên H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Còn anh Th đợi H và D đến khoảng 16 giờ không thấy quay lại trả xe, anh Th gọi điện thoại cho H nhưng không liên lạc được nên đoán là H và D đã lừa lấy xe mô tô của mình nên anh Th đi về nhà. Đến 19 giờ cùng ngày anh Th nhận được tin nhắn của H gửi cho với nội dung xuống nhà DN ở BS lấy xe về. Ngày 20/4/2017, anh Th đến cửa hàng mua bán xe máy của anh D hỏi thì được anh D cho biết H đã bán xe cho anh D với giá 3.200.000đ. Ngày 27/4/2017, anh Th đã bỏ tiền ra chuộc xe mang về.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 177/BB-HĐ ngày 17/7/2017 kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe HONDA, loại xe Wave, màu sơn Đỏ - Đen, biển số 98E1 - 168.15 của anh Lường Văn T tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 8.550.000đ

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 13/5/2017, Nguyễn Văn H gặp anh Lâm Văn M và anh Nguyễn Văn H, đều trú tại: thôn Trại 3 - QS - LNg. H có bảo bị cáo H xem ai có xe mô tô thì mượn đi cắm lấy tiền tiêu sài. H nhất trí bảo H và Mạnh cùng đi lên xã TH - LNg. Khi đi Mạnh điều khiển xe mô tô của M chở H và H, cả ba đi vào quán Karaoke ở gần ngã 3 TH – LNg, rồi H gọi điện cho anh Luân Văn Ng, trú tại: thôn TV – TH – LNg là bạn của H với mục đích là để lừa mượn xe mô tô của anh Ng mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Nhận được điện thoại của H, Ng điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn Đen - Bạc, biển số 98E1-504.14 đến quán Karaoke hát cùng H, M, H. Khoảng 21 giờ cùng ngày H tiếp tục rủ mọi người đến quán của chị Dương Thị

Ng, ở thôn TV – TH – LNg để ăn đêm. Trong lúc ngồi ăn thì H hỏi anh Ng mượn xe mô tô để đi đón bạn gái nhưng anh Ng không cho H mượn, mà bảo H là để anh Ng chở đi, sau đó anh Ng chở H đi theo chỉ dẫn của H đến XC - TH thì H nói với anh Ng không phải ở đây, thì cả hai quay lại quán ăn. Khi đến quán ăn được một lúc thì H lại tiếp tục hỏi mượn xe của anh Ng để H đi đón bạn nhưng anh Ng không cho mượn. Thấy vậy H bảo anh Ng là "mày cứ cho nó mượn đi có anh ở đây không phải lo, tội đâu anh chịu". Nghe H nói vậy anh Ng mới đồng ý cho H mượn xe. Khi mượn được xe mô tô của anh Ng H điều khiển xe mô tô xuống thị trấn C đón bạn nhưng do có việc nên H đã điều khiển xe của Ng đi đến nhà anh Đặng Công K, trú tại: khu LC – thị trấn Ch – LNg hỏi vay của anh K số tiền 5.000.000 đồng và H bảo anh K cho H gửi lại chiếc xe mô tô của anh Ng ở chỗ anh K để H bắt taxi xuống Tỉnh BG có việc. Còn anh Ng, H, M đợi mãi không thấy H quay lại nên M chở anh Ng, H đi tìm H nhưng không gặp, sau đó M chở H về thị trấn Ch chơi điện tử.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 131/BB-HĐ ngày 30/5/2017 kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe HONDA, loại xe Wave, màu sơn Đen - Bạc, biển số 98E1 – 504.14 của anh Luân Văn Ng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 18.720.000đ .

Vụ thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 28/5/2017, H cùng Lê Văn Th, ở thôn ĐK - ĐT - ĐS - TH đi bộ đến quán bia TL ở thôn Ô - NH - LNg. Tại đây H gọi điện thoại cho anh Hoàng Văn X,t rú tại thôn H - KL - LNg rủ ra thị trấn Ch ăn đêm. Lúc này anh X đang đi chơi cùng anh Lương Văn V, trú tại: thôn AT - KL - LNg nên anh X rủ anh V đi cùng. Sau đó anh V kèm anh X bằng xe mô tô của anh V đi lên quán bia Thanh Long đón H, Trồi đi đến quán ăn đêm DP ở khu TC – thị trấn Ch để ăn uống, trong khi ngồi ăn, H thấy anh V có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 A33White, màu trắng nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của anh V đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Ban đầu H mượn điện thoại của anh V rồi giả vờ gọi điện cho bạn, sau đó H trả lại điện thoại cho anh V rồi tiếp tục ngồi ăn. Một lúc sau H lại hỏi mượn anh V điện thoại để gọi điện cho bạn. Khi mượn được điện thoại, H giả vờ gọi điện thoại và cho điện thoại áp vào tai vừa nói vừa đi ra ngoài đường, khi khuất tầm nhìn của anh V thì H bắt xe taxi đi về nhà anh Trần Văn T, trú tại: K1 – HG – LNg, nhưng không gặp anh T, H lại đi xe taxi đến nhà Khúc Xuân D, trú tại: Kép 2A – HG - LNg, thì gặp T ở nhà D, H nhờ D đi cầm cố chiếc điện thoại mà H chiếm đoạt được của anh V. D hỏi H "điện thoại của ai" H nói là "điện thoại của H", sau đó D đã dẫn H, T đến nhà anh Nguyễn Văn Th, sinh năm; 1991, trú tại: thôn NL - GS, D mang chiếc điện thoại vào nhà anh Th cầm số được số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền trên H không chia cho ai mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 138/KL-HĐ ngày 05/6/2017 kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 A33White, màu Trắng của anh Lương Văn V tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 2.392.000đ

Vụ thứ tư: Khoảng 8 giờ ngày 22/5/2017, H rủ Lê Văn H (tên gọi khác là Thìn), ở thôn: ĐK – ĐTh – ĐS – TH (đang thuê trọ ở thôn C, xã HG, Huyện LNg) đi bộ đến nhà anh Mã Văn L, trú tại: thôn HL – GS – LNg với mục đích để mượn xe mô tô của anh L mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Khi H và Tđến nhà anh L thì chỉ có cháu Mã Văn Th là con trai anh L ở nhà, H và Th ngồi chơi đợi anh L về. Khoảng 11 giờ cùng ngày anh L về đến nhà và mời H, ở lại ăn cơm trưa cùng gia đình. Sau khi ăn cơm xong, anh L cùng H và T sang nhà bạn anh L ở cùng thôn hát Karaoke. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì H hỏi anh L cho H mượn xe mô tô đi có việc, anh L đồng ý rồi H cùng anh L, Tđi về nhà anh L, anh L lấy chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu Trắng, biển số 98E1 - 042.79 đưa cho H nhưng H không đi mà dắt xe ra cổng đưa cho Tđi. Sau khi Tđi thì H vẫn tiếp tục ngồi chơi tại nhà anh L. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày không thấy Tquay lại. H nói với anh L là đi tìm Tlấy xe về nhưng mục đích của H là tìm Tđể lấy xe của anh L mang đi cắm lấy tiền. H đi bộ từ nhà anh L về thôn Chính – HG tìm T nhưng không thấy. Khoảng 20 giờ cùng ngày H gọi điện cho anh L sang thôn C – HG để cùng đi tìm T, anh L có sang gặp H nhưng anh L không đi tìm T. H vay của anh L số tiền 100.000 đồng rồi thuê xe taxi đi tìm T. Khoảng 21 giờ cùng ngày H thấy T đang ngồi chơi ở nhà bạn của T ở gần bến xe khách LNg, H bảo với Tmang xe của anh L đi cắm lấy tiền, rồi H điều khiển xe mô tô của anh L chở T đến ngã tư truyền hình LNg thì H bảo T ngồi chờ, còn H điều khiển xe mô tô vào nhà anh Nguyễn Văn K, ở khu QT – thị trấn Ch cầm cố chiếc xe mô tô chiếm đoạt của anh L cho anh K được 5.000.000đ. Số tiền trên H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 10 ngày sau H đã đi chuộc xe và trả lại cho anh Mã Văn L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 137/KL-HĐ ngày 05/6/2017 kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn Trắng - Đen, biển số 98E1 – 042.79 của anh Mã Văn L tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 6.510.000đ

Vụ thứ năm: Do không có tiền chi tiêu cá nhân, khoảng 7 giờ ngày 19/7/2017 H nảy sinh ý định đến nhà anh Vi Văn D, trú tại: thôn Luồng – BS – LNg lừa mượn xe mô tô mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Sau đó H đi bộ xuống thị trấn Ch – LNg thì gặp anh Đ (người ở Huyện Sơn Động - Tỉnh BG) là người quen, H nhờ anh Đ kèm đến nhà anh Vi Văn D. Anh Đ đồng ý và chở H đến cổng nhà anh D thì anh Đ đi xe mô tô về, H đi vào nhà anh D thì thấy cháu Vi Lương B, là con trai anh D đang ở nhà một mình, H hỏi cháu B "Bố mẹ đâu" cháu B nói " Bố mẹ em đi làm", H nhìn thấy chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NIJIA, màu sơn đỏ để trong nhà ngang gần nhà bếp, H hỏi B "cho anh mượn xe đạp điện đi mua thuốc" cháu B đồng ý. H đi vào nơi để xe đạp điện dắt ra ngoài sân, rồi điều khiển xe đi đến nhà anh Nguyễn Văn Th, trú tại: khu NĐ – thị trấn Ch – LNg cầm cố cho anh Th số tiền 2.000.000đ. Số tiền cầm cố xe H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số: 201/KL-HĐ ngày 18/8/2017 kết luận: Chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NIJIA, màu sơn đỏ của anh Vi Văn D tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 5.280.000đ

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

Người bị hại: Anh Lường Văn T trình bầy, bị cáo H đã chiếm đoạt của anh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe HONDA, loại xe Wave, màu sơn Đỏ - Đen, biển số 98E1 - 168.15 hiện nay anh đã lấy lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh, nhưng anh đã phải bỏ ra số tiền 3.200.000đồng để chuộc lại chiếc xe máy này. Nay anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh toàn bộ số tiền mà anh đã bỏ ra để chuộc chiếc xe này.

Anh Lương Văn V, có mặt tại phiên tòa trình bầy: Bị cáo H có chiếm đoạt của anh 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo7 A33White, hiện nay chiếc điện thoại này anh vẫn chưa được nhận lại anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền là 2.300.000 đồng

Anh Vi Văn D, trình bầy: Bị cáo H đã chiếm đoạt của gia đình anh 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NIJIA, màu sơn đỏ, hiện nay chiếc xe này anh chưa nhận lại. Anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh theo giá trị chiếc xe theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá trị giá là 5.280.000đồng

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nhân chứng vắng mặt đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai, bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng vào khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 31/7/2017.

Về trách nhiêm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lường Văn T số tiền 3.200.000đồng, anh Lương Văn V số tiền 2.300.000đồng, anh Vi Văn D số tiền là 5.280.000đồng.

Về án phí hình: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. **Về tố tụng**: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đồng thời đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng theo

đúng quy định của pháp luật. Người bị hại là anh Luân Văn Ng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Duy D, anh Khúc Xuân D, anh Đặng Công K, anh Nguyễn Văn H, chị La Thị L, anh Lê Văn H, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thảo luận tại chỗ đã quyết định áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2]. **Về nội dung**: Sau khi xem xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn H, hành vi của bị cáo với truy tố của cáo trạng số 104/KSĐT ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2017 đến ngày 19/7/2017 Nguyễn Văn H đã thực hiện 05 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt là 41.452.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như đã nêu là có căn cứ.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng mối quan hệ quen biết đối với các bị hại, để tiếp cận tài sản của các bị hại, tạo sự tin tưởng cho các bị hại tự nguyện giao tài sản của mình cho bị cáo để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của của các bị hại tổng tài sản mà bị cáo H là chiếm đoạt là 41.452.000.

Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về nhân thân của bị cáo, thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị hại những tình tiết này được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Về các tình tiết tăng nặng của bị cáo: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Khúc Xuân D, khi triệu tập lên làm việc không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tách hành vi của Khúc Xuân D ra khi nào triệu tập làm việc được đối với Khúc Xuân D sẽ xử lý sau.

Tiến hành làm việc với anh Đặng Công K, anh K khai đúng là anh có cho H vay số tiền 5.000.000đ và H có gửi lại ở nhà anh 01 chiếc xe mô tô để đi tỉnh BG có việc, không phải H cắm xe cho anh lấy tiền, việc H vay tiền và gửi lại xe mô tô không liên quan đến nhau. Do hiện nay H vắng mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra tách hành vi của H ra để tiếp tục điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Đặng Công K khi cho H gửi xe mô tô tại nơi ở của mình không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh K.

Đối với anh Lâm Văn M là người đi cùng H và H nhưng anh M không được H và H bàn gì về việc Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Luân Văn Ng nên không có căn cứ để xử lý đối với anh M

Đối với Trần Văn T là người đi cùng H đến nhà anh Th để cầm cố chiếc điện thoại do H chiếm đoạt được của anh V, quá trình điều tra T không có mặt tại địa phương, tuy nhiên H khai không được nói cho anh T biết chiếc điện thoại trên do H chiếm đoạt mà có và sau khi cắm được điện thoại H không chia tiền cho T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T.

Đối với anh Nguyễn Văn Th là người cầm cố chiếc điện thoại H đã chiếm đoạt của anh V, tuy nhiên khi cầm cố anh Th không biết chiếc điện thoại đó do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Th là có căn cứ.

Đối với Lê Văn H (tên gọi khác là Th) quá trình điều tra Nguyễn Văn H khai trước khi đến nhà anh L thì H có bàn bạc với T về việc lừa mượn xe mô tô của anh L mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Sau khi lừa mượn được xe của anh L thì H chở T đi cầm cố xe được 5.000.000 đồng, số tiền trên H cầm và chi tiêu chung cho cả hai. Tại cơ quan điều tra T khai không được bàn bạc gì với H về việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh L. Do khi ở nhà anh L, H có mượn xe mô tô của anh L rồi đưa xe cho Tvà bảo T đi mua đồ về uống bia, T điều khiển xe mô tô của anh L đi mua đồ nhưng do trên đường đi thấy bị mệt nên T có về chỗ trọ nghỉ. Sau đó thấy H đến nói anh L cho mượn xe mô tô mấy ngày và H rủ T mang xe mô tô của anh L đi cầm cố rồi H chở T đi đến ngã tư truyền hình LNg thì để T ngồi chờ ở đó còn H mang xe mô tô đi cầm cố, số tiền cắm xe T được H cho ăn tiêu chung. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiếp tục tiến hành triệu tập Lê Văn T để đấu tranh làm rõ, nhưng hiện nay T không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tách hành vi của Lê Văn T ra khi nào triệu tập làm việc được đối với T sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn K là người cầm cố xe mô tô do H chiếm đoạt được của anh L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành triệu tập làm việc với anh K nhưng hiện nay anh K không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tách hành vi của

anh Nguyễn Văn K ra khi nào triệu tập làm việc được đối với anh K có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Động là người chở H đến nhà anh Vi Văn D tuy nhiên H không biết rõ tên tuổi địa chỉ của anh Động, H chỉ biết anh Động là người ở Huyện Sơn Động - Tỉnh BG nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không có căn cứ làm rõ để xử lý đối với người này.

Đối với anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987, trú tại khu NĐ – thị trấn Ch – LNg theo lời khai của bị can H là người đã cầm cố chiếc xe đạp điện do H chiếm đoạt được của anh D, tuy nhiên quá trình điều tra anh Nguyễn Văn Th không thừa nhận được cầm cố tài sản gì của H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành cho bị can H và anh Nguyễn Văn Th đối chất. Kết quả bị can H và anh Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày với Cơ quan Cảnh sát điều tra do đó không có căn cứ để xử lý đối với anh Nguyễn Văn Th.

Về trách nhiệm dân sự: Cần xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lường Văn T số tiền 3.200.000đ, anh Vi Văn D số tiền là 5.280.000đồng, anh Lương Văn V số tiền 2.300.000đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử công bố lời khai, các bị cáo không có ý kiến gì.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 31/07/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584; Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Vi Văn D số tiền là 5.280.000 đồng (năm triệu hai trăm tám mươi nghìn); Bồi thường cho anh Lường Văn T số tiền là 3.200.000đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng); Bồi thường cho anh Lương Văn V số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng

(hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 539.000 đồng (năm trăm ba mươi chín nghìn) tiền án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa Th nhưng không được vượt quá 20%/ năm; nếu không có thỏa Th thì mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tỉnh BG;
- VKSND tỉnh Tỉnh BG;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS Huyện LNg;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn An Ninh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tỉnh BG;
- VKSND tỉnh Tỉnh BG;
- VKSND Huyện LNg;
- Công an Huyện LNg;
- Chi cục THADS Huyện LNg;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn An Ninh